

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ VẠN ĐẠI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ VẠN ĐẠI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VAN DAI PRODUCTION AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101634095

**3. Ngày thành lập:** 17/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đội 8, Thôn Gia Trị, Xã Ân Đức, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0906009930

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                  | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                            | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                    | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Xuất, nhập khẩu kinh doanh lương thực: Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng; Bán buôn sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột.<br>(không hoạt động tại trụ sở). | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn dược liệu, nguyên liệu sản xuất thuốc;<br>- Bán buôn vắc xin, sinh phẩm y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (ô dù, lều xép, nhà bạt di động) | 4649        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phân bón<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc<br>- Bán buôn hóa chất (trừ loại hóa chất Nhà nước cấm)<br>(Loại trừ hoạt động Bán buôn đá quý và các mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh)                                                                                                                       | 4669        |
| 8.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản, các mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690        |
| 9.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4711        |
| 10. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                           | 4719        |
| 11. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4721        |
| 12. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4722        |
| 13. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4723        |
| 14. | Chế biến và bảo quản rau quả<br>chi tiết:Chế biến và bảo quản rau quả khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1030(Chính) |
| 15. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1040        |
| 16. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1050        |
| 17. | Xay xát và sản xuất bột thô<br>Chi tiết: sản xuất bột các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1061        |
| 18. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1062        |
| 19. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1071        |
| 20. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1073        |
| 21. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1074        |
| 22. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1075        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Sản xuất chè<br>Chi tiết: sản xuất chè, chiết xuất và chế phẩm từ chè                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1076 |
| 24. | Sản xuất cà phê                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1077 |
| 25. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Nhóm này gồm:<br>- Sản xuất súp và nước xuyt;<br>- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn;<br>- Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt;<br>- Sản xuất dấm;<br>- Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo;<br>- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi.<br>- Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã);<br>- Sản xuất men bia;<br>- Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm;<br>- Sản xuất sữa tách bơ và bơ;<br>- Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng;<br>- Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt;<br>- Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo;<br>- Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; | 1079 |
| 26. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1080 |
| 27. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1101 |
| 28. | Sản xuất rượu vang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1102 |
| 29. | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1103 |
| 30. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng<br>Chi tiết: sản xuất đồ uống từ thảo mộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1104 |
| 31. | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>(Trừ hóa chất Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2011 |
| 32. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2012 |
| 33. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt côn trùng gặm nhấm, thuốc diệt cỏ;<br>- Sản xuất các sản phẩm chống mọc mầm, máy điều chỉnh tốc độ phát triển của cây;<br>- Sản xuất chất tẩy uế (cho nông nghiệp và cho các mục đích sử dụng khác);<br>- Sản xuất các sản phẩm hoá nông khác chưa phân vào đâu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2021 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                             | 2023 |
| 35. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                             | 2029 |
| 36. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                          | 4791 |
| 37. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ;<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản) | 4799 |
| 38. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không bao gồm hoạt động trong quán bar, karaoke, vũ trường,...)                                                                                                                                                                                        | 5630 |
| 39. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                            | 4759 |
| 40. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Loại trừ: Bán lẻ vàng; bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí)                                                                                                                   | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN HOÀI KHÁNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/06/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052090007500

Ngày cấp: 20/01/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Gia Trị, Xã Ân Đức, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Gia Trị, Xã Ân Đức, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HOÀI KHÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/06/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052090007500

Ngày cấp: 20/01/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Gia Trị, Xã Ân Đức, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Gia Trị, Xã Ân Đức, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định